

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2022/DS-PT
Ngày 29-4-2022
V/v “tranh chấp về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Mai

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

Bà Ngô Thị Bích Diệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 232/2021/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc “tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2021/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 26/2022/QĐPT-DS ngày 24 tháng 02 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn S (Nguyễn Văn S), sinh năm 1951, chết ngày 16/8/2021.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:

+ Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1943; địa chỉ: Số nhà 29/1, tổ 1, khu phố Kh, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Việt H, sinh năm 1977; hộ khẩu thường trú: Phường Phú C, thành phố Th, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Số 535, Đại lộ B, phường H, thành phố Th, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 08/3/2022); có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1946; địa chỉ: Số nhà 21/3, khu phố 1, phường Bửu L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1974; địa chỉ: Số nhà 28/1, tổ 1, khu phố Kh, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp: Ông Vũ Mạnh T1, sinh năm 1975; hộ khẩu thường trú: Phường Phú Lợi, thành phố Th, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Số 535, Đại lộ B, phường H, thành phố Th, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 07/4/2018); có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1938; chết ngày 03/3/2020

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà K:

- Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1974; địa chỉ: Số nhà 28/1, tổ 1, khu phố Kh, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 3, khu phố Bình Hòa 2, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1946; địa chỉ: Số nhà 29/1, tổ 1, khu phố Kh, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Việt H, sinh năm 1977; hộ khẩu thường trú: Phường Phú C, thành phố Th, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Số 535, Đại lộ B, phường Hiệp Thành, thành phố Th, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 12/01/2022);

3.3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1946; địa chỉ: Số nhà 21/3, khu phố 1, phường Bửu L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

3.4. Ông Trương Hải L, sinh năm 1967; địa chỉ: Số nhà 3/2, khu phố Khánh L, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.5. Bà Trương Ngọc Ph, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ 2, khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.6. Bà Bùi Phạm Hòa B, sinh năm 1975; địa chỉ: Số nhà 28/1, tổ 1, khu phố Kh, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

3.7. Cháu Nguyễn Bùi Kim Ng, sinh năm 2018;

3.8. Cháu Nguyễn Đăng Kh, sinh năm 2004.

Cùng địa chỉ: Tổ 2, khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của cháu Ngân và cháu Khoa là: Ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Phạm Hòa B; có mặt.

3.9. Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Tổ 2, khu phố 2, phường Uyên Hưng, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Tấn L1 - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã T; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 267/GUQ-UBND ngày 29/01/2021); có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.10. Văn phòng Công chứng Trần Thị Thanh M; địa chỉ: Số 10/8, đường ĐT 743 khu phố B, phường Bình C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị Thanh M - Trưởng văn phòng; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/5/2018 và lời khai trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện trình bày:*

Cha mẹ của ông Nguyễn Văn S là cụ Nguyễn Văn H1 (chết năm 1975) và cụ Nguyễn Thị T1 (chết năm 1985). Khi chết cha mẹ ông S không để lại di chúc. Cha mẹ ông S có 05 người con gồm: Ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị K (chết năm 2020, bà K có chồng là ông Vương Văn K1 đã chết trước bà K và có 02 người con gồm ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị Th1), bà Nguyễn Thị N (đã chết từ trước giải phóng, bà N có 02 người con gồm ông Trương Hải L và bà Trương Ngọc Ph, chồng bà N đã chết trước bà N). Cha mẹ của cụ H1 và cụ T1 đã chết trước cụ H1, cụ T1. Ngoài những người con trên thì cụ H1 và cụ T1 không có con nuôi, con riêng.

Khi còn sống cụ Nguyễn Văn H1 và cụ Nguyễn Thị T1 có tạo lập được diện tích đất 301m² thuộc hai thửa đất số 77 và 429, tờ bản đồ số 25 tại tổ 1, khu phố Kh, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Cụ H1, cụ T1 quản lý và sử dụng đất cho đến khi chết, sau đó ông S cùng bà Th, bà K quản lý, sử dụng và xây dựng nhà ở như hiện nay. Thời điểm cha mẹ ông S còn sống thì Nhà nước chưa có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2004 khi Nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy trình đại trà cho người dân thì bà K tự đi đăng ký kê khai đối với thửa đất số 77 và 429. UBND huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 02291 QSDĐ/TU ngày 03/3/2004 cho bà Nguyễn Thị K. Sau đó, bà K tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Nguyễn Văn Q và ông Q được UBND huyện (nay là thị xã) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH

02344 ngày 16/8/2012. Việc bà K tự đi đăng ký kê khai và tặng cho ông Q diện tích đất thuộc thửa đất số 77, 429 không thông qua ông S và các anh chị em trong gia đình là trái quy định của pháp luật nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo kết quả đo đạc thực tế ngày 27/6/2018 có diện tích 279,8m² thuộc hai thửa đất số 77 và 429, tờ bản đồ số 25 tại tổ 1, khu phố Kh, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương hiện ông Nguyễn Văn Q đang đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 02344 được UBND huyện (nay là thị xã) T cấp cho ông Nguyễn Văn Q ngày 16/8/2012. Trong đó phần thừa kế ông S yêu cầu được chia có diện tích 113,2m², trên đất có căn nhà cấp 4 thuộc một phần thửa đất 77 và 429, tờ bản đồ số 25 tại khu phố Kh, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn Q được công chứng ngày 05/7/2012 tại Văn phòng công chứng Bình Chuẩn số 2711, quyền số 03TP/CC-SC/HĐGD.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 02344 được UBND huyện (nay là thị xã) T cấp cho ông Nguyễn Văn Q ngày 16/8/2012.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 02291 QSDĐ/TU được UBND huyện (nay là thị xã) T cấp cho bà Nguyễn Thị K ngày 03/3/2004.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện từ yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thành yêu cầu kiến nghị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 02344 được UBND huyện (nay là thị xã) T cấp cho ông Nguyễn Văn Q ngày 16/8/2012.

Rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 02291 QSDĐ/TU được UBND huyện (nay là thị xã) T cấp cho bà Nguyễn Thị K ngày 03/3/2004, do giấy chứng nhận này không còn giá trị pháp lý.

Theo đơn khởi kiện, ông S yêu cầu được chia diện tích 113,2m², trên đất có căn nhà cấp 4 thuộc thửa đất 77 và 429, tờ bản đồ số 25 tại khu phố Kh, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật; ông S yêu cầu được nhận bằng hiện vật trên phần đất ông S đã xây dựng căn nhà cấp 4, diện tích được chia theo quyết định của Tòa án. Ông S thống nhất về ranh giới, diện tích theo kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã T, thống nhất với kết quả thẩm định của Tòa án và kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản thị xã T. Ngoài ra, ông S yêu cầu chừa lối đi có chiều ngang 02m, chiều dài tính từ đầu thửa đất 429, giáp thửa đất số 736 đến giáp ranh với đường đất cụt.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Vũ Mạnh T1 trình bày:

Về quan hệ huyết thống của cụ Nguyễn Văn H1 và cụ Nguyễn Thị T1, ông Tuấn không có ý kiến.

Bị đơn không đồng ý chia di sản thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn vì bị đơn ông Nguyễn Văn Q đã được UBND huyện (nay là thị xã) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 02344 ngày 16/8/2012 là đúng theo quy định của pháp luật. Nguồn gốc đất bị đơn được bà Nguyễn Thị K tặng cho theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 05/7/2012 tại Văn phòng Công chứng Bình Chuẩn số 2711, quyển số 03TP/CC-SC/HĐGD.

Ông Tuấn thống nhất về ranh giới, diện tích theo kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã T, thống nhất với kết quả thẩm định của Tòa án và kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản thị xã T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th trình bày: Bà Th thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống của cụ Nguyễn Văn H1, cụ Nguyễn Thị T1, thời gian cụ H1, cụ T1 chết và nguồn gốc đất. Trên đất tranh chấp có 01 căn nhà cấp 4 (căn nhà đại đoàn kết), bà Th được Nhà nước hỗ trợ một phần tiền để xây dựng căn nhà này.

Bà Th đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Trường hợp Tòa án chia di sản của cụ Nguyễn Văn H1 và cụ Nguyễn Thị T1 thì bà Th yêu cầu được nhận bằng hiện vật trên vị trí căn nhà bà Th đang ở.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông T thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống của cụ Nguyễn Văn H1, cụ Nguyễn Thị T1, thời gian cụ H1, cụ T1 chết và nguồn gốc đất. Việc bà Nguyễn Thị K tự ý đi đăng ký kê khai, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà K làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên cho con trai là ông Nguyễn Văn Q vào thời điểm nào thì ông T không biết vì bà K không thông báo cho ông T. Ông T đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S và yêu cầu được nhận bằng hiện vật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Hải L và bà Trương Ngọc Ph trình bày: Ông L và bà Ph thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống của cụ Nguyễn Văn H1, cụ Nguyễn Thị T1, thời gian cụ H1, cụ T1 chết và nguồn gốc đất. Ông L và bà Ph là con của bà Nguyễn Thị Nuôi. Ông L và bà Ph đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp, Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn H1 và cụ Nguyễn Thị T1 thì ông L và bà Ph đề nghị Tòa án chia phần của ông L, bà Ph được hưởng cho ông Nguyễn Văn S.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th1 trình bày:* Bà Th1 là con của bà Nguyễn Thị K. Bà K đã chết vào ngày 03/3/2020. Bà K có 02 người con gồm bà Th1 và ông Nguyễn Văn Q, chồng bà K là ông Vương Văn K1 đã chết trước bà K. Đất tranh chấp bà K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tặng cho ông Q vào thời điểm nào thì bà Th1 không biết. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Th1 không có ý kiến và từ chối nhận ký phần thừa kế nếu được chia.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Q:* không có văn bản trình bày ý kiến.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Phạm Hòa B trình bày:* Bà B là vợ của ông Nguyễn Văn Q, hiện nay bà B đang sinh sống trên đất tranh chấp. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà B đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thị xã T trình bày:* Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 02291 QSDĐ/TU ngày 03/3/2004 cho bà Nguyễn Thị K đối với thửa đất số 77 và 429, tờ bản đồ số 25 tại tổ 1, khu phố Kh, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương được cấp trên cơ sở Đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 12/8/2002 có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Phước Khánh (nay là phường T) theo Thông tư số 346/TT-ĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 02344 ngày 16/8/2012 đối với thửa đất số 77 và 429, tờ bản đồ số 25 tại tổ 1, khu phố Kh, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương cho ông Nguyễn Văn Q được cấp trên cơ sở Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 05/7/2012. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng B (nay là Văn phòng Công chứng Trần Thị Thanh M) trình bày:* Ngày 05/7/2012 tại Văn phòng Công chứng B, bà Nguyễn Thị K với ông Nguyễn Văn Q có ký kết hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 77 và 429, tờ bản đồ số 25 tại tổ 1, khu phố Kh, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Tại thời điểm ký kết hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên đối tượng giao dịch của hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên Văn phòng Công chứng đã công chứng hợp đồng nêu trên. Số công chứng của hợp đồng là 2711, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/7/2012. Việc công chứng nêu trên là hoàn toàn hợp pháp, đúng pháp luật. Nay nguyên đơn yêu cầu huỷ hợp đồng này thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án sơ thẩm số 24/2021/DSST ngày 12/5/2021 của Tòa án nhân dân thị xã T, đã tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 02291QSDD/TU ngày 03/3/2004 do UBND huyện (nay là thị xã) T cấp cho bà Nguyễn Thị K.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Q về việc: Tranh chấp về thừa kế tài sản.

3. Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn Q được công chứng ngày 05/7/2012 tại Văn phòng Công chứng B số 2711, quyền số 03TP/CC-SC/HĐGD.

4. Xác định quyền sử dụng diện tích đất 279,8m², trong đó diện tích 213m² đất thổ cư thuộc thửa đất số 77 và diện tích 66,8m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 429, cùng tờ bản đồ số 25 tại khu phố Kh, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương là di sản của cụ Nguyễn Văn H1 và cụ Nguyễn Thị T1 để lại cho những người thừa kế.

5. Ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị Th được quyền sử dụng chung diện tích đất 27,1m² thuộc thửa 429, tờ bản đồ 25 tại phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương (vị trí D trên sơ đồ bản vẽ kèm theo). Buộc ông Nguyễn Văn Q phải tháo dỡ phần mái che có diện tích 06m²; ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Th mỗi người phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn Q số tiền 456.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng*). Trong trường hợp ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn Q thực hiện đăng ký biến động đối với phần đất được phân chia thì diện tích sử dụng chung có giá trị đối với người được đăng ký cập nhật biến động. Diện tích lỗi đi trị giá 54.200.000 đồng.

6. Chia di sản của cụ Nguyễn Văn H1 và cụ Nguyễn Thị T1 để lại theo quy định của pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm có: Ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn Q (thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị K).

6.1. Chia cho ông Nguyễn Văn S được quyền sử dụng diện tích đất 99m², trong đó có 79,5m² đất thổ cư thuộc thửa 77 và 19,5m² đất cây lâu năm thuộc thửa đất số 429, tờ bản đồ số 25 tại phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương trị giá 396.750.000 đồng (vị trí B trên sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ông S được sở hữu tài sản gắn liền với phần đất được chia.

6.2. Chia cho bà Nguyễn Thị Th được quyền sử dụng diện tích đất 74,4m², trong đó có 67,8m² đất thổ cư thuộc thửa 77 và 6,6m² đất cây lâu năm thuộc thửa

đất số 429 tờ bản đồ số 25 tại phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương trị giá 318.300.000 đồng (vị trí C trên sơ đồ bản vẽ kèm theo)

Bà Th được sở hữu tài sản gắn liền với phần đất được chia.

6.3. Chia cho ông Nguyễn Văn Q được quyền sử dụng diện tích đất 79,3m², trong đó có 65,7m² đất thổ cư thuộc thửa 77 và 13,6m² đất cây lâu năm thuộc thửa đất số 429 tờ bản đồ số 25 tại phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương trị giá 322.850.000 đồng (vị trí A trên sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ông Q được sở hữu tài sản gắn liền với phần đất được chia.

6.4. Bà Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ trả giá trị chênh lệch kỹ phân thừa kế cho ông Nguyễn Văn S số tiền 22.023.000 đồng;

6.5. Bà Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ trả giá trị chênh lệch kỹ phân thừa kế cho ông Nguyễn Văn T số tiền 95.924.000 đồng.

6.6. Ông Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ trả giá trị chênh lệch kỹ phân thừa kế cho ông Nguyễn Văn T số tiền 122.496.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền quản lý về đất đai thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 02344 được UBND huyện (nay là thị xã) T cấp cho ông Nguyễn Văn Q ngày 16/8/2012.

8. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về trách nhiệm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 16 tháng 6 năm 2021, bị đơn ông Nguyễn Văn Q (do ông Vũ Mạnh T1 đại diện ủy quyền) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Th và bị đơn ông Nguyễn Văn Q đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Cụ thể: Ông Nguyễn Văn T được nhận phần đất và tài sản gắn liền với đất (hiện do bà Nguyễn Thị Th quản lý, sử dụng) diện tích đất 72,4m² (trong đó có 66,8m² đất thổ cư thuộc thửa 77 và 5,6m² đất cây lâu năm thuộc thửa đất số 429; tờ bản đồ số 25); bà Nguyễn Thị Th được nhận phần đất và

tài sản gắn liền với đất trước đây ông Nguyễn Văn S quản lý, sử dụng; tuy nhiên bà Th tự nguyện cho ông Nguyễn Văn Q phần đất và tài sản gắn liền với đất này; ông Q được nhận phần đất hiện gia đình ông Q đang quản lý, sử dụng và phần đất và tài sản gắn liền với đất bà Th được chia có tổng diện tích đất 175,9m², (trong đó có 142,8m² đất thổ cư thuộc thửa 77 và 33,1m² đất cây lâu năm thuộc thửa đất số 429, tờ bản đồ số 25). Ông Q và ông T được quyền sử dụng chung diện tích đất 31,5m² trong đó có 28m² thuộc thửa 429 và 3,5m² thuộc thửa 77, tờ bản đồ 25 để làm lối đi. Ông Q có trách nhiệm tháo dỡ phần mái che có diện tích 06m² thuộc thửa 429, tờ bản đồ 25. Bà Th được quyền lưu cư trên phần đất ông Q được chia đồng thời ông Q có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng bà Nguyễn Thị Th cho đến khi bà Th qua đời. Các bên không phải bồi hoàn giá trị chênh lệch quyền sử dụng đất và tài sản trên đất được chia cho nhau.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, sự thỏa thuận của các đương sự không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND thị xã T, Văn phòng Công chứng Trần Thị Thanh M, bà Trương Ngọc Ph, ông Trương Hải L, bà Nguyễn Thị Th1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

[1.2] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S chết ngày 16/8/2021 theo Trích lục khai tử số 1136/TLKT-BS ngày 17/8/2021 của Ủy ban nhân dân phường T. Tại Tờ tường trình về quan hệ nhân thân ngày 16/02/2022 được Ủy ban nhân dân phường T chứng thực (do bà Nguyễn Thị Th nộp cho Tòa án) thể hiện: Cha mẹ của ông Nguyễn Văn S là cụ Nguyễn Văn H1 (chết năm 1975), cụ Nguyễn Thị T1 (chết năm 1985), ông S không có vợ con, các anh chị em còn sống của ông S gồm có bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn T là hàng thừa kế thứ hai của ông S. Căn cứ khoản 1 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự, Tòa án xác định người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn S là bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bị đơn ông Nguyễn Văn Q có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Th và bị đơn ông Nguyễn Văn Q thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án:

[2.2] Ông Nguyễn Văn T được chia phần đất do bà Nguyễn Thị Th hiện đang quản lý, sử dụng; bà Nguyễn Thị Th được chia phần đất trước đây ông Nguyễn Văn S quản lý, sử dụng; tuy nhiên bà Th tự nguyện tặng cho ông Nguyễn Văn Q phần đất này; ông Q được chia phần đất hiện gia đình ông Q đang quản lý, sử dụng và phần đất bà Th được chia. Các bên thống nhất chừa lối đi ở phía Bắc đất tranh chấp tiếp giáp lối đi hiện hữu để thuận tiện việc đi lại. Bà Th được quyền lưu cư trên phần đất ông Q được chia đồng thời ông Q có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng bà Nguyễn Thị Th cho đến khi bà Th qua đời. Các bên không phải bồi hoàn giá trị chênh lệch quyền sử dụng đất và tài sản trên đất được chia cho nhau, cụ thể:

[2.3] Ông Nguyễn Văn T được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 72,4m² (trong đó có 66,8m² đất thổ cư thuộc thửa 77 và 5,6m² đất cây lâu năm thuộc thửa đất số 429, tờ bản đồ số 25) và tài sản gắn liền với đất (nhà ở, công trình phụ và cây trồng) tại phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có tứ cận: Hướng Đông giáp các thửa 81, 430, 818; hướng Nam giáp thửa 431, hướng Bắc giáp lối đi; hướng Tây giáp phần đất ông Q được chia (ký hiệu A trên sơ đồ bản vẽ kèm theo).

[2.4] Ông Nguyễn Văn Q được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 175,9m², (trong đó có 142,8m² đất thổ cư thuộc thửa 77 và 33,1m² đất cây lâu năm thuộc thửa đất số 429, tờ bản đồ số 25) và tài sản gắn liền với đất (nhà ở, công trình phụ và cây trồng) tại phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có tứ cận: Hướng Đông giáp đất ông T được chia; hướng Nam giáp thửa 431, hướng Bắc giáp lối đi; hướng Tây giáp các thửa 93, 432, 736 (ký hiệu B trên sơ đồ bản vẽ kèm theo).

[2.5] Ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn T được quyền sử dụng chung diện tích đất 31,5m² trong đó có 28m² thuộc thửa 429 và 3,5m² thuộc thửa 77, tờ bản đồ 25 tại phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương làm lối đi chung (ký hiệu C trên sơ đồ bản vẽ kèm theo). Ông Nguyễn Văn Q có trách nhiệm tháo dỡ phần mái che có diện tích 06m² thuộc thửa 429, tờ bản đồ 25 nêu trên. Ông T không phải bồi thường cho ông Q giá trị mái che.

[2.6] Bà Th được quyền lưu cư trên phần nhà và đất ông Q được chia đồng thời ông Q có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng bà Nguyễn Thị Th đến khi bà Th qua đời.

[3] Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định tại Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm:

[5.1] Ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được chia theo quy định của pháp luật số tiền 32.352.000 đồng.

[5.2] Ông T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên người kháng cáo phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự,
- Căn cứ Điều 12, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Q.
2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2021/DSST ngày 12/5/2021 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể:

2.1. Ông Nguyễn Văn T được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 72,4m² (trong đó có 66,8m² đất thổ cư thuộc thửa 77 và 5,6m² đất cây lâu năm thuộc thửa đất số 429; tờ bản đồ số 25) và tài sản gắn liền với đất (nhà cửa và cây trồng) tại phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có tứ cận: Hướng Đông giáp các thửa 430, 81, 818; hướng Nam giáp thửa 431, hướng Bắc giáp lối đi; hướng Tây giáp phần đất ông Q được chia (ký hiệu A trên sơ đồ bản vẽ kèm theo).

2.2. Ông Nguyễn Văn Q được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 175,9m², (trong đó có 142,8m² đất thổ cư thuộc thửa 77 và 33,1m² đất cây lâu năm thuộc thửa đất số 429; tờ bản đồ số 25) và tài sản gắn liền với đất (nhà cửa và cây trồng) tại phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có tứ cận: Hướng Đông giáp đất ông T được chia; hướng Nam giáp thửa 431, hướng Bắc giáp lối đi; hướng Tây giáp các thửa 93, 432, 736 (ký hiệu B trên sơ đồ bản vẽ kèm theo).

2.3. Ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn T được quyền sử dụng chung diện tích đất 31,5m² (trong đó có 28m² thuộc thửa 429 và 3,5m² thuộc thửa 77; tờ bản đồ 25) tại phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương làm lối đi chung. Ông Nguyễn Văn Q có trách nhiệm tháo dỡ phần mái che có diện tích 06m² thuộc thửa 429, tờ bản đồ 25 (ký hiệu C trên sơ đồ bản vẽ kèm theo).

2.4. Bà Nguyễn Thị Th được quyền lưu cư trên phần nhà và đất ông Nguyễn Văn Q được chia đồng thời ông Q có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng bà Nguyễn Thị Th đến khi bà Th qua đời.

2.5. Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.6. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Q phải nộp 32.352.000 đồng (ba mươi hai triệu ba trăm năm mươi hai nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn T được miễn án phí.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0052513 ngày 22/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 29/4/2022)./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã T;
- TAND thị xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Mai